

Số: 1762 /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục Cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Kế hoạch hành động năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

Theo đề nghị của Cục Thông tin, Thống kê.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và phân công đơn vị chủ trì thực hiện (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

## **Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị:**

### **1. Đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu (CSDL) có trách nhiệm:**

a) Xây dựng, phát triển, kiểm tra, đánh giá định kỳ CSDL; gửi báo cáo về Cục Thông tin, Thống kê trước ngày 25/12 hằng năm (Nội dung kiểm tra, đánh giá dữ liệu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước);

b) Thường xuyên rà soát, hiệu chỉnh, cập nhật CSDL thông qua quy trình, thủ tục quản lý của đơn vị; bảo đảm tính kịp thời, chính xác, phản ánh đầy đủ thông tin cấu trúc các cơ sở dữ liệu và biến động dữ liệu;

c) Thực hiện tiếp nhận, xử lý các yêu cầu khai thác CSDL do đơn vị mình quản lý theo đề nghị cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khai thác thông tin, dữ liệu theo quy định trong Quy chế quản lý, vận hành, khai thác CSDL chuyên ngành khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được cấp có thẩm quyền ban hành;

d) Áp dụng các biện pháp bảo đảm tính xác thực và sự toàn vẹn dữ liệu; kiểm tra định kỳ việc thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo mật cơ sở dữ liệu; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

đ) Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

e) Chỉ định cán bộ đầu mối phụ trách kết nối và chia sẻ dữ liệu; công khai tên, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của cán bộ đầu mối phụ trách kết nối, chia sẻ dữ liệu;

g) Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác CSDL, trong đó quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, điều kiện khai thác sử dụng đối với mỗi thành phần, nội dung thông tin của CSDL; hoàn chỉnh các quy trình quản lý và nâng cao chất lượng thực hiện theo quy định;

h) Việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của đơn vị tuân thủ quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

### **2. Cục Thông tin, Thống kê có trách nhiệm:**

a) Điều phối, kiểm tra, giám sát, và giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành vào Hệ thống Thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Theo dõi, tổng hợp tình hình cập nhật, quản lý, vận hành và khai thác CSDL để kịp thời báo cáo Bộ trưởng;

c) Tích hợp dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu phục vụ hỗ trợ quản lý nhà nước và xây dựng chiến lược phát triển dữ liệu dài hạn;

d) Xây dựng quy định về khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu của các CSDL tích hợp trên Hệ thống Thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quy chuẩn, tiêu chuẩn về cấu trúc dữ liệu trao đổi; các tài liệu kỹ thuật về trao đổi dữ liệu;

đ) Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ hằng năm việc cập nhật, quản lý, vận hành và khai thác CSDL của các đơn vị, báo cáo lãnh đạo Bộ.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm phối hợp với Cục Thông tin, Thống kê tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; hướng dẫn kỹ thuật trong việc xây dựng và vận hành CSDL cho đơn vị chủ quản CSDL.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thông tin, Thống kê, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Công TTĐT của Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, TTTK.

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Mạnh Hùng**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC CSDL CHUYÊN NGÀNH THUỘC PHẠM VI**  
**QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-BKHCN ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

| TT | Tên cơ sở dữ liệu chuyên ngành KHCN, ĐSMT và CDS                            | Đơn vị chủ trì xây dựng, cập nhật và phát triển |
|----|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 1  | CSDL Sở hữu công nghiệp                                                     | Cục Sở hữu trí tuệ                              |
| 2  | CSDL Công bố thông tin sở hữu công nghiệp                                   | Cục Sở hữu trí tuệ                              |
| 3  | CSDL Tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp, người đại diện sở hữu công nghiệp | Cục Sở hữu trí tuệ                              |
| 4  | CSDL Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp   | Cục Sở hữu trí tuệ                              |
| 5  | CSDL về nguồn phóng xạ và thiết bị bức xạ                                   | Cục An toàn bức xạ và hạt nhân                  |
| 6  | CSDL Cấp phép và giấy phép, báo cáo thực trạng an toàn bức xạ               | Cục An toàn bức xạ và hạt nhân                  |
| 7  | CSDL Sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân                                           | Cục An toàn bức xạ và hạt nhân                  |
| 8  | CSDL Liều chiếu xạ cá nhân                                                  | Cục An toàn bức xạ và hạt nhân                  |
| 9  | CSDL Thiết bị đo và hiệu chuẩn                                              | Cục An toàn bức xạ và hạt nhân                  |
| 10 | CSDL Đào tạo và chứng nhận về đào tạo an toàn bức xạ                        | Cục An toàn bức xạ và hạt nhân                  |
| 11 | CSDL Kiểm tra, thanh tra chuyên ngành an toàn bức xạ và hạt nhân            | Cục An toàn bức xạ và hạt nhân                  |
| 12 | CSDL về ứng dụng và phát triển năng lượng nguyên tử                         | Cục An toàn bức xạ và hạt nhân                  |
| 13 | CSDL về quan trắc phóng xạ môi trường                                       | Cục An toàn bức xạ và hạt nhân                  |
| 14 | CSDL về thanh sát hạt nhân                                                  | Cục An toàn bức xạ và hạt nhân                  |
| 15 | CSDL Quy chuẩn kỹ thuật                                                     | Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia  |
| 16 | CSDL Tiêu chuẩn quốc gia                                                    | Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia  |
| 17 | CSDL Mã số, mã vạch quốc gia                                                | Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia  |

|    |                                                                      |                                                |
|----|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 18 | CSDL Truy xuất nguồn gốc quốc gia                                    | Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia |
| 19 | CSDL Nhãn điện tử quốc gia                                           | Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia |
| 20 | CSDL Hộ chiếu số của sản phẩm quốc gia                               | Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia |
| 21 | CSDL Cơ quan, doanh nghiệp bưu chính                                 | Vụ Bưu chính                                   |
| 22 | CSDL Tem bưu chính                                                   | Vụ Bưu chính                                   |
| 23 | CSDL Tỷ trọng kinh tế số ICT                                         | Vụ Kinh tế số và Xã hội số                     |
| 24 | CSDL Doanh nghiệp sử dụng các nền tảng số                            | Vụ Kinh tế số và Xã hội số                     |
| 25 | CSDL Doanh nghiệp tham gia chương trình SMEdx                        | Vụ Kinh tế số và Xã hội số                     |
| 26 | CSDL Tổng hợp về xã hội số.                                          | Vụ Kinh tế số và Xã hội số                     |
| 27 | CSDL Doanh nghiệp đánh giá mức độ CDS (DBI)                          | Vụ Kinh tế số và Xã hội số                     |
| 28 | CSDL Danh sách tổ chức, cá nhân thuộc Mạng lưới tư vấn chuyển đổi số | Vụ Kinh tế số và Xã hội số                     |
| 29 | CSDL Thông tin hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KHCN và ĐMST           | Vụ Hợp tác quốc tế                             |
| 30 | CSDL Kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã              | Cục Bưu điện Trung ương                        |
| 31 | CSDL Dịch vụ, điểm bưu chính                                         | Cục Bưu điện Trung ương                        |
| 32 | CSDL Đánh giá DTI                                                    | Cục Chuyển đổi số quốc gia                     |
| 33 | CSDL Giao dịch kết nối                                               | Cục Chuyển đổi số quốc gia                     |
| 34 | CSDL công nghiệp công nghệ số                                        | Cục Công nghiệp Công nghệ thông tin            |
| 35 | CSDL về cung cầu công nghệ                                           | Cục Đổi mới sáng tạo                           |
| 36 | CSDL Chuyên gia tư vấn công nghệ                                     | Cục Đổi mới sáng tạo                           |
| 37 | CSDL Đánh giá chỉ số sáng tạo                                        | Cục Đổi mới sáng tạo                           |
| 38 | CSDL Doanh nghiệp khởi nghiệp                                        | Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ      |
| 39 | CSDL Cấp phép lĩnh vực tần số vô tuyến điện                          | Cục Tần số vô tuyến điện                       |
| 40 | CSDL Kiểm tra, kiểm soát tần số                                      | Cục Tần số vô tuyến điện                       |

|    |                                                                                                                               |                                       |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 41 | CSDL Quy hoạch tần số vô tuyến điện                                                                                           | Cục Tần số vô tuyến điện              |
| 42 | CSDL Công bố Khoa học và Công nghệ Việt Nam                                                                                   | Cục Thông tin, Thống kê               |
| 43 | CSDL Nhiệm vụ khoa học và công nghệ                                                                                           | Cục Thông tin, Thống kê               |
| 44 | CSDL Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ                                                                      | Cục Thông tin, Thống kê               |
| 45 | CSDL Nhân lực khoa học và công nghệ                                                                                           | Cục Thông tin, Thống kê               |
| 46 | CSDL Giấy phép lĩnh vực viễn thông                                                                                            | Cục Viễn thông                        |
| 47 | CSDL Cơ quan, doanh nghiệp lĩnh vực viễn thông                                                                                | Cục Viễn thông                        |
| 48 | CSDL Kiểm định thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện                                                                       | Cục Viễn thông                        |
| 49 | CSDL Kiểm định viễn thông                                                                                                     | Cục Viễn thông                        |
| 50 | CSDL Chứng nhận hợp quy sản phẩm                                                                                              | Cục Viễn thông                        |
| 51 | CSDL Thuê bao chuyển mạng                                                                                                     | Cục Viễn thông                        |
| 52 | CSDL Chất lượng viễn Thông                                                                                                    | Cục Viễn thông                        |
| 53 | CSDL Xác nhận Kiểm tra nhà nước về hàng hóa nhập khẩu                                                                         | Cục Viễn thông                        |
| 54 | CSDL Doanh thu dịch vụ viễn thông                                                                                             | Cục Viễn thông                        |
| 55 | CSDL Giá dịch vụ viễn thông                                                                                                   | Cục Viễn thông                        |
| 56 | CSDL Cấp phép lĩnh vực Chứng thực điện tử                                                                                     | Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia |
| 57 | CSDL về số lượng tên miền quốc gia “.vn” tại các địa phương trên cả nước                                                      | Trung tâm Internet Việt Nam           |
| 58 | CSDL Thống kê tốc độ truy cập Internet băng rộng cố định và băng rộng di động của các Doanh nghiệp và địa phương trên cả nước | Trung tâm Internet Việt Nam           |
| 59 | CSDL Tổ chức đánh giá sự phù hợp                                                                                              | Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA)  |